

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Thời gian: 01/09/2025 - 30/09/2025

Bộ phận: Phòng Kỹ thuật công nghệ và Môi trường - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Người lập: Nguyễn Thị Thu Chức vụ: Nhân viên giám sát môi trường

**BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI NHÀ GA QUỐC TẾ T2**

Thông số theo QCVN 14:2008//BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)

Bảng thống kê số liệu quan trắc tháng 9 năm 2025

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
Tháng 09/2025										
01/09	303.065.8282	140.339.3162	58.9840	46.2902	17.0045	7.1934	28.9471	47.0157	7.3174	39.9159
02/09	304.164.6297	140.786.0892	61.6252	42.8385	17.9401	7.1746	28.9378	39.0033	7.2164	39.8110
03/09	305.174.4239	141.202.6595	60.0643	44.8760	17.8152	7.1779	28.9393	35.9091	7.2608	39.8447
04/09	306.249.0472	141.633.1847	57.7848	43.9177	17.8057	7.1986	28.9496	34.2279	7.2049	39.8643

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
05/09	307.256.3919	142.040.9718	54.4233	41.1012	16.1866	7.1857	28.9432	32.8659	7.0784	39.7600
06/09	308.236.0334	142.431.5517	52.1999	40.5726	15.8562	7.2115	28.9563	32.3024	6.9555	39.7541
07/09	309.261.6274	142.836.7206	58.1031	44.2639	18.0693	7.1936	28.9470	25.8094	6.7721	39.6042
08/09	310.254.1794	143.240.8357	56.8566	41.7575	17.5713	7.2152	28.9578	26.6364	6.3716	39.4295
09/09	311.338.3673	143.694.2189	59.4009	44.1991	18.0222	7.2335	28.9671	23.8924	5.9516	39.2352
10/09	312.406.2017	144.122.4068	62.3742	47.8749	18.4336	7.5201	29.1103	11.2971	5.6833	39.7979
11/09	313.449.8873	144.530.2723	52.8129	38.6657	16.8113	7.1578	28.9293	8.2850	6.2548	38.8630
12/09	313.333.0803	144.453.0215	56.1143	41.2812	17.3264	7.1649	28.8449	19.0415	6.6303	39.0345
13/09	315.458.9441	145.404.6067	57.6742	46.0014	17.6592	7.2499	28.9755	19.8889	7.4820	40.1507
14/09	316.544.5766	145.806.8453	60.9621	46.1984	19.0154	7.1799	28.9403	25.9037	7.4339	39.9483
15/09	317.609.6804	146.257.2778	53.8277	42.2035	16.2130	7.1663	28.9337	32.0215	7.0023	39.6676
16/09	318.683.7524	146.695.8490	63.6507	46.0190	21.7377	7.1305	28.9157	40.9433	6.8165	39.4718
17/09	319.744.6011	147.192.9568	56.5930	41.1997	19.2494	7.1865	28.9436	30.0369	7.4115	39.9521
18/09	320.705.7009	147.135.0434	58.4234	41.3145	20.3163	7.2057	28.9532	32.3692	6.8045	39.6533
19/09	321.752.5426	148.166.5788	59.5332	43.6910	22.3302	7.2564	28.9787	32.9110	6.7292	39.7372
20/09	322.799.5032	148.691.7097	65.5228	47.7075	21.4655	7.1603	28.9306	30.0788	6.6506	39.4515
21/09	323.919.7176	149.190.8292	59.1068	42.1677	19.3431	7.1877	28.9442	31.2197	6.6486	39.5188
22/09	324.937.4498	149.652.7250	57.2167	42.8485	19.1725	7.1921	28.9465	29.3828	6.5222	39.4579
23/09	325.971.9717	150.115.2822	57.5453	41.9893	18.7770	7.1256	28.9132	35.3863	6.4717	39.2626

Thông số	Total2 (Trạm 1) (m3)	Total1 (Trạm 1) (m3)	FlowOut (Trạm 1) (m3/h)	Flow In2 (Trạm 1) (m3/h)	Flow In1 (Trạm 1) (m3/h)	NH4 (Trạm 1) (mg/l)	Temp (Trạm 1) (oC)	TSS (Trạm 1) (mg/l)	Ph (Trạm 1)	COD (Trạm 1) (mg/l)
24/09	327.082.3025	150.618.2970	65.2232	47.8215	22.1561	7.1274	28.9142	42.2088	6.4888	39.2772
25/09	328.069.1343	151.079.3690	57.6450	42.8870	20.2751	7.1561	28.9285	42.0316	6.3584	39.2743
26/09	329.143.9854	151.590.5931	59.5771	43.1066	20.1652	7.1689	28.9348	42.6084	6.3860	39.3216
27/09	330.183.5017	152.075.4105	63.5484	45.0745	21.0036	7.1385	28.9198	32.9138	6.3569	39.2292
28/09	331.280.3888	152.583.5727	60.9110	45.4772	21.2811	7.1383	28.9194	33.0732	6.5859	39.3594
29/09	332.337.0433	153.082.1567	60.3155	44.0365	20.2073	7.1466	28.9240	35.4592	6.5325	39.3510
30/09	333.403.8919	153.563.6030	61.7958	45.1521	20.4138	7.1326	28.9166	39.4706	6.8691	39.5068
Trung bình tháng 09	318127.2795	146673.7985	58.9939	43.7511	18.9875	7.1892	28.9421	31.4731	6.7416	39.5502
Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008//B TNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,0)	2.250 m3/ngày					10	-	100	5-9	-